

Bản số: 367/2018/HC-PT

Ngày: 13-9- 2018

V/v Khởi kiện quyết định hành chính
về đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2017/TLPT-HC ngày 4 tháng 10 năm 2017 về việc khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:**

1/. Ông Hồ Hữu A, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Bà Dương Thị Kim Th, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng, phường 2, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 1, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

***Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Th. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 30, khóm T1, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện: Ông Huỳnh Anh D - Phó trưởng phòng TN-MT. (Có mặt)

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Ông Hồ Hữu A trình bày:

Năm 2006, vợ chồng ông A, bà Th mua 02 thửa đất 856 và thửa số 857 với tổng diện tích đất 8.190 m² của ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 làm hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND Huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00837/A4 và H00838/A4 cùng cấp ngày 12/5/2006.

Năm 2008, Tòa án huyện Th thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà Trần Huệ H và ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 và ông A, bà Th.

Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 của TAND huyện Th thì sau khi ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị S1 đã thanh toán cho ông A, bà Th số tiền là 11.300.000 đồng và 12 cây vàng 24 kara thì ông A, bà Th phải chuyển nhượng lại diện tích đất 8.190 m² cho ông Huỳnh Văn S với bà Nguyễn Thị S1.

Ông A, bà Th nhận được quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy ban nhân dân Huyện Th về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00837/A4, H00838/A4 cùng cấp ngày 12/5/2006, thuộc thửa 856, 857, tờ bản đồ số 01, đất tại xã T, do ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th đứng tên để cấp lại cho ông S và bà S1 với lý do thực hiện Quyết định số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 của TAND huyện Th về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th vẫn không buộc ông S và bà S1 thanh toán hết số tiền là 11.300.000 đồng và 12 cây vàng 24 kara thì Ông A, bà Th cho ông, bà. Do đó Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Huyện Th làm thiệt hại đến quyền lợi và hợp pháp của ông, bà. Theo Quyết định số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 của Tòa án huyện Th có nội dung: ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị S1 thống nhất trả cho ông A, bà Th số tiền là 11.300.000 đồng và 12 cây vàng 24 kara thì ông A, bà Th phải chuyển nhượng lại diện tích đất cho Ông Thị S1 nhưng Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Th về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung Ông A, bà Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S1 là vi phạm, UBND huyện Th ra Quyết định không đúng quy định.

Nay, ông A yêu cầu hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Th về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00837/A4, H00838/A4 cùng cấp ngày 12/5/2006.

- Người khởi kiện bà Dương Thị Kim Th trình bày:

Thông nhất ý kiến của ông A. Tòa án huyện Th ban hành Thông báo số 03/TB.TA ngày 09/04/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, trong đó đính chính tên Hồ Thị S1 thành Nguyễn Thị S1 là vi phạm, do Tòa án huyện Th thông báo hồ sơ đã chuyển lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào tháng 5/2011 nên thông báo số 03/TB.TA ngày 09/04/2015 ban hành là không có hiệu lực, UBND huyện Th thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà để chuyển cho bà Nguyễn Thị S1 thì bà không đồng ý, nên yêu cầu hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Huyện Th.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho UBND Huyện Th là ông Huỳnh Văn Dũng trình bày:

UBND Huyện Th thực hiện theo quy định của pháp luật bởi vì:

Tòa án huyện Th giải quyết tranh chấp, ban hành Quyết định số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Nội dung: ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 trả cho ông A, bà Th số tiền là 11.300.000 đồng và 12 cây vàng 24 kara, nếu chậm thi hành thì phải chịu lãi theo quy định. Ông A, bà Th thống nhất chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất thửa 856, 857 cho ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 đứng tên quyền sử dụng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Th ban hành Quyết định thi hành án số 332/QĐ-THA ngày 13/4/2009 (theo đơn thi hành án của đương sự) để yêu cầu vợ chồng Ông A, bà Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho ông S, bà S1. Do không tự nguyện thi hành án, Ủy ban nhân dân Huyện Th ban hành quyết định là thi hành theo bản án, Quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật theo đúng quy định của Luật Đất đai và Luật thi hành án dân sự. Nên đề nghị giữ nguyên quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy Ban Nhân dân Huyện Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 100 và Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 6 Điều 87 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th về yêu cầu hủy Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Ủy Ban Nhân Dân Huyện Th , Tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H00837/A4, H00838/A4 cùng cấp ngày 12/5/2006, thuộc thửa 856, 857, tờ bản đồ số 01, đất tại xã T, do ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2017, ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, ông D trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện căn cứ quyết định công nhận hòa giải thành của Tòa án, trên cơ sở đề nghị của Cơ quan thi hành án, do vợ chồng ông A và bà Th không tự nguyện thi hành quyết định của Tòa, nên ủy ban ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận cấp cho bà Th và ông A là đúng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao:

Căn cứ chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự số 27/2008/QĐST-DS ngày 23/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Th có nội dung: ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 trả cho ông A và bà Th số tiền 11.350.000 đồng và 12 cây vàng 24k, ông A và bà Th làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 856,807 tờ bản đồ số 1 cho ông S, bà S1, thỏa thuận trên là tự nguyện và các bên cùng thực hiện nội dung thỏa thuận. Bản thân ông S, bà S1 không chuyển tiền cho ông A, bà Th nên ông A, bà Th không làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S, bà S1. Việc Ủy ban nhân dân huyện Th ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông A, bà Th với lập luận thực hiện bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, bà Th, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của người khởi kiện, quan điểm của đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th là không có căn cứ, bởi các lẽ sau:

[1] Năm 2006, vợ chồng ông A, bà Th làm hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 8.190m² mà ông A và bà Th đã được Ủy ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do các đương sự có tranh chấp nên vụ việc được Tòa án nhân dân huyện Th tỉnh Đồng Tháp giải quyết. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 27/2008/QĐST-DS ngày 29/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Th có nội dung: ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị S1 trả cho ông A và bà Th số tiền 11.350.000 đồng và 12 cây vàng 24k, nếu chậm thi hành phải chịu lãi

suất theo quy định. Ông A, bà Th thống nhất chuyển nhượng cho ông S bà S1 diện tích đất mà ông A bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00837/A4 và H00838/A4 do Ủy ban nhân huyện Th cấp, thỏa thuận được hiểu các bên tự nguyện và cùng thực hiện trách nhiệm của mình.

[2] Cơ quan thi hành án dân sự huyện Th đã có quyết định thi hành án buộc ông S, bà S1 trả tiền và vàng cho ông A, bà Th, buộc ông A, bà Th làm hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông S, bà S1. Trên thực tế, tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án hành chính ông S bà S1 vẫn không thực hiện việc chuyển cho ông A, bà Th số tiền 11.300.000 đồng và 24 cây vàng 24k, nên ông A, bà Th không làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S, bà S1. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án phải buộc các bên thực hiện nghĩa vụ song song, vì sự thỏa thuận của các bên là thỏa thuận có điều kiện. Việc Ủy ban nhân dân huyện Th viện dẫn khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ.CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai để ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông A, bà Th là hiểu không đúng tinh thần khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ.CP. Việc ủy ban nhân dân huyện Th ra quyết định 185/QĐ-UBND ngày 3/10/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông A, bà Th là trái với khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th, sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tham gia phiên tòa.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông A, bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Hữu A, bà Dương Thị Kim Th. Sửa án sơ thẩm số 07/2017/HCST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Áp dụng Điều 30, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th.

2/ Hủy toàn bộ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 3/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Th về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số

H00837/A4 và H00838/A4 cấp ngày 12/5/2006 thuộc thửa số 856, 857 tờ bản đồ số 01 tại xã T, huyện Th do ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th đứng tên

- Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Hữu A và bà Dương Thị Kim Th không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Hồ Hữu A và bà Th tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0653534 ngày 22/11/2016 và biên lai thu số 17291 ngày 06/9/2017 *(do ông Nguyễn Trung Tính nộp thay)*) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ủy ban nhân dân huyện Th phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Yên

Phạm Trí Tuấn

Lê Thành Văn